TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh P

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2022
Về: "TrA chấp ly hôn"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị ThA Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Ông Nguyễn Bá Lộc

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST-HPT ngày 28-02-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1984; HKTT và địa chỉ hiện nay: Tt H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Gia P, sinh năm 1980; HKTT và địa chỉ hiện nay: Tt H, huyện Đ huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2021 và quá trình tố tụng tại tòa bà Trần Thị A trình bày: Bà Trần Thị A và ông Trần Gia P tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 11-9-2015 theo đúng quy định của pháp luật tại UBND tt H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh P nhưng sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm.

Từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, không có sự chia sẽ đồng cảm với nhau, cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng cuộc sống của vợ chồng. Đã nhiều lần nhờ đến gia đình và địa phương can thiệp nhưng không kết quả.

Sau nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không còn như trước, không thể kéo dài cuộc hôn nhân nữa, vợ chồng tự sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa bà A nhận thấy tình cảm đối với ông P không còn, bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con Trần L, sinh ngày 26-9-2015. Bà A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Trần Gia P đến Toà giải quyết ly hôn nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình trA tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị A yêu cầu ly hôn ông Trần Gia P, xác định quan hệ trA chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P đăng ký HKTT và sinh sống tại tt H, huyện Đ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Gia P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Trần Gia P sống chung từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND tt H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà A và ông P là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Trần Thị A xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh P được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, tài chính chăm lo cho gia đình mà không có sự đồng cảm và chia sẽ cùng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm và xô xát nhau, do không giải quyết được vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Nay bà A nhận thấy không còn tình cảm đối với ông P yêu cầu được ly hôn.

Về phía ông P, Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa lấy lời khai và hòa giải nhưng ông P không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông P không muốn duy trì cuộc sống chung với bà A. Theo xác nhận của địa phương là ông P có đăng ký hộ khẩu và sống tại tổ 6, khu phố Hải Phong 1, thị trấn Long Hải nhưng hiện tại không còn sinh sống tại địa phương, khi đi không báo cho địa phương biết. Về mâu thuẫn của

vợ chồng địa phương không rõ. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông P.

[2.2] Xét về con chung: Con chung Trần L, sinh ngày 26-9-2015. Theo xác nhận của bà A; từ sau khi vợ chồng sống ly thân bà là người quan tâm và chăm sóc cho con chu đáo. Tránh làm xáo trộn của sống của trẻ thơ. Giao con cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Sau này bà A có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị A đối với ông Trần Gia P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn ông Trần Gia P.

- Về con chung: Giao con chung Trần L, sinh ngày 26-9-2015 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị A nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008542 ngày 03-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà A đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử P thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND tt H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Trúc